

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 607/2020/HC-PT  
Ngày 30 – 9 – 2020  
V/v khiếu kiện hành vi hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thanh

*Các thẩm phán:* Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 239/2020/TLPT-HC ngày 12 tháng 3 năm 2020 về khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 34/2019/HCST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2319/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thanh H, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện* (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18/01/2019): Ông Lê Văn L, sinh năm 1958; địa chỉ: Q7, Khu phố 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An; (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện Đ (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 834/UBND-TCĐ ngày 20/6/2019): Ông Phạm Văn L - Phó Chủ tịch UBND huyện Đ; (có mặt).*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện Đ: Ông Trần Bá T - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ; (có mặt).*

2. Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, *(có đơn xin vắng mặt).*

- *Người kháng cáo:*

+ Người bị kiện UBND huyện Đ, tỉnh Long An;

+ Người bị kiện UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện bà Lê Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Lê Văn L trình bày:*

Vào năm 1990, gia đình bà Lê Thanh H đến khai hoang diện tích đất thuộc thửa 347, xã Bình Thành (nay là xã M), huyện Đ, tỉnh Long An. Bà H đắp bờ bao trồng tràm ổn định, liên tục không có tranh chấp. Đến năm 2016, bà H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 347 thì UBND xã M chỉ đồng ý cấp cho bà H 01 phần thửa 347 với diện tích là 24.070m<sup>2</sup>, còn lại diện tích 9.731,2m<sup>2</sup> thì UBND xã M và UBND huyện Đ không cấp cho bà H, bà H có ghi ý kiến là sẽ tiếp tục khiếu nại. Ngày 29/12/2016, bà H làm đơn gửi UBND xã M để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 9.731,2m<sup>2</sup> còn lại của thửa 347, nhưng UBND xã M có Công văn số 07 ngày 12/01/2017 với nội dung không chấp nhận đơn đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Bà H khiếu nại đến UBND huyện Đ thì UBND huyện Đ ban hành Văn bản số 1523/UBND-TNMT ngày 04/12/2018 với nội dung không chấp nhận yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hành vi hành chính của UBND xã M và UBND huyện Đ không giải quyết đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H; buộc UBND xã M và UBND huyện Đ phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với diện tích đất 9.731,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 347, tờ bản đồ số 03, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người bị kiện UBND huyện Đ có Văn bản số 1344/UBND-TNMT ngày 09/10/2019 trình bày:*

Năm 1998, UBND huyện Đ có chủ trương quy hoạch đất hoang khu vực Bàu Sấu, thuộc xã Bình Thành, huyện Đ, tỉnh Long An để bố trí cho những hộ nghèo thiếu đất sản xuất. UBND huyện Đ có thành lập Đoàn kiểm tra hiện trạng thực tế thể hiện phần đất của gia đình ông Lê Thanh Chơn như sau: Ông Lê Thanh Chơn diện tích 05 ha, bà Tô Thị Lâu (vợ ông Chơn) diện tích 1,7 ha, con ông Chơn là Lê Thanh H diện tích 03 ha, có bờ bao, mương (trồng tràm sau quy hoạch). Tổng diện tích gia đình ông Chơn là 9,7 ha (trong đó 05 ha nằm ở khu II có cày đắp bờ bao; 1,7 ha khu III đã trồng tràm; 03 ha khu II trồng tràm sau quy hoạch).

Ông Lê Thanh Chơn đại diện gia đình thống nhất đồng ý theo hướng giải quyết của UBND huyện Đ như sau:

- Phần đất 05 ha trước đây ông Chơn đắp bờ bao chưa sản xuất, phần đất này Nhà nước thu hồi và không bồi hoàn.

- Phần đất 1,7 ha nằm khu III do vợ ông Chơn là bà Lâu đăng ký. Nhà nước căn cứ vào quy hoạch khu kinh tế mới giải quyết cho bà Lâu diện tích 2,3 ha; trong đó, có 1,7 ha tràm, phần còn lại nằm vào đất của người khác gia đình bà Lâu có trách nhiệm tính toán phần cải tạo đất cho họ do trước đây canh tác đầu tư.

- Phần đất 03 ha nằm khu III do con ông Chơn là Lê Thanh H đã có gia đình riêng sử dụng thống nhất giải quyết 01 phần đất theo quy hoạch. Nếu diện tích trồng tràm đôi ra so với quy định nhà nước hay cá nhân không bồi hoàn (hiện tràm đã cháy).

UBND huyện Đ đã chỉ đạo UBND xã M giao cấp đất trên thực tế cho bà Lê Thanh H 01 suất theo quy hoạch tại thửa đất số 211, tờ bản đồ phân lô quy hoạch NLN dân cư Bình Thành, diện tích 22.980m<sup>2</sup>. Hiện nay, theo trích đo tại 01 phần thửa số 347, tờ bản đồ số 3, diện tích 24.000m<sup>2</sup>, vị trí tại ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 18/10/2016, UBND huyện Đ ra Quyết định số 4028/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 440, tờ bản đồ số 3, diện tích 24.070m<sup>2</sup> loại đất chuyên trồng lúa nước, vị trí ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 196468/01197 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/10/2016, phần còn lại thuộc thửa 347 diện tích 9.731,2m<sup>2</sup> Nhà nước quản lý. Do đó, UBND huyện Đ đề nghị bác đơn khởi kiện của bà H.

*Người bị kiện UBND xã M do ông Huỳnh Văn Cứng là người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa sơ thẩm trình bày: Thống nhất với ý kiến của UBND huyện Đ.*

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 34/2019/HCST ngày 06/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 30, 32 và 193 Luật tổ tụng Hành chính; các Điều 101, 105 và 106 Luật Đại đại; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H về hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Hành vi của Ủy ban nhân dân xã M về việc từ chối tiếp nhận hồ sơ xin đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thanh H trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền là trái pháp luật.

Hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với bà Lê Thanh H là trái pháp luật.

Hủy Công văn số 07/TrL-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã M và Công văn số 1523/UBND-TNMT ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Buộc Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thanh H đối với phần đất diện tích 9.731,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo thực tế sử dụng đúng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ, về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/11/2019, người bị kiện UBND xã M, huyện Thủ Thừa tỉnh Long An có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận việc UBND xã M không xét và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 9.732m<sup>2</sup> đất tại thửa số 347, tờ bản đồ số 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Lê Thanh H là đúng.

Ngày 20/11/2019, người bị kiện UBND huyện Đ, tỉnh Long An có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận việc UBND huyện Đ không thực hiện yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 347, tờ bản đồ số 3, diện tích 9.732,2m<sup>2</sup> xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Lê Thanh H là đúng.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo UBND xã M có đơn xin xét xử vắng mặt; UBND huyện Đ, có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người khởi kiện bà Lê Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo UBND huyện Đ trình bày:* Việc UBND huyện Đ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 9.732,2m<sup>2</sup> tại thửa số 347, tờ bản đồ số 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Lê Thanh H, là theo đúng với chủ trương của UBND tỉnh Long An là cấp lại cho mỗi hộ dân 01 suất đất từ 02-2,5 ha và những trường hợp hộ dân trước đây vào bao chiếm từ 3 đến 4 ha vẫn chỉ được cấp 01 suất để sắp xếp lại theo quy định trong khu quy hoạch dự án Nông – Lâm nghiệp và dân cư Bình Thành, huyện Đ của tỉnh Long An và họ đã nhận đất sản xuất đến nay. Đồng thời, việc này cũng đúng theo nội dung Biên bản làm việc ngày 17/4/2000 của UBND huyện Đ với ông Lê Thanh Chon là người đại diện cho gia đình; trong đó, ông Chon đã đồng ý đổi với phần đất 03 ha nằm khu III do con ông Chon là Lê Thanh H đã có gia đình riêng thống nhất giải quyết 01 phần đất theo quy hoạch, nếu diện tích trồng trà dôi ra so với quy định thì không bồi hoàn. Sau đó, bà H đã được cấp một suất đất diện tích hiện nay là 24.070m<sup>2</sup>, còn lại diện tích 9.731,2m<sup>2</sup> do Nhà nước quản lý đã được thu hồi theo đúng quy định tại Điều 28 của Luật Đất đai năm 1993. Qua đó thấy rằng, Việc UBND huyện Đ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 9.732,2m<sup>2</sup> tại thửa số 347, tờ bản đồ số 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Lê Thanh H là đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND huyện Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của người bị kiện UBND xã M và UBND huyện Đ:

Với các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H là không có căn cứ. Những lý do yêu cầu kháng cáo của người bị kiện UBND xã M và UBND huyện Đ là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên

đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND xã M và UBND huyện Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Đơn kháng cáo của người bị kiện UBND xã M và UBND huyện Đ, tỉnh Long An nộp trong thời hạn và đúng trình, thủ tục theo quy định pháp luật nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo UBND xã M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm vắng mặt UBND xã M theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật tổ tụng Hành chính.

#### *[1] Về tố tụng:*

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

#### *[2] Về nội dung:*

*[2.1] Xét tính hợp pháp của việc UBND xã M và UBND huyện Đ không chấp nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Lê Thanh H đối với phần đất diện tích 9.731,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An:*

[2.1a] Ngày 13/12/1999, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số: 3787/QĐ-UB về việc phê duyệt dự án khả thi phát triển Nông – Lâm nghiệp và dân cư Bình Thành, huyện Đ; theo đó, chủ đầu tư là: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; mục tiêu đầu tư: Khai hoang, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, bố trí dân cư, cải tạo môi trường; địa điểm xây dựng: Bình Thành, huyện Đ; hình thức đầu tư: Khai hoang; năng lực thiết kế: Kiểm soát lũ cho 2.860 ha đất tự nhiên, trong đó khai hoang 1.200 ha, tạo nguồn nước tưới cho 2.300 ha đất canh tác và bố trí cho 1.350 hộ dân (đây là vùng đất hoang hóa chưa có hệ thống kênh mương tưới tiêu không thể sản xuất được) - BL100.

[2.1b] Tại Biên bản làm việc ngày 17/4/2000 của UBND huyện Đ về việc ghi nhận nội dung giải quyết đất nằm trong khu kinh tế mới Bình Thành đối với trường hợp đất do ông Lê Thanh Chơn đại diện có các nội dung:

Tổng diện tích đất gia đình ông Lê Thanh Chơn tự khai vỡ trong khu kinh tế mới Bình Thành là 9,7 ha (trong đó có 05 ha nằm ở khu II có cây đắp bờ bao; 1,7 ha khu III đã trồng tràm; 03 ha Khu III trồng tràm sau quy hoạch). Ông

Chon đại diện cho gia đình thống nhất hướng giải quyết của UBND huyện Đ, như sau:

Phần đất 05 ha trước đây ông Chon đắp bờ bao chưa sản xuất, phần đất này Nhà nước thu hồi và không bồi hoàn.

Phần đất 1,7 ha tràm nằm ở khu III do vợ ông Chon là bà Tô Thị Lâu đứng tên đăng ký là đất trồng tràm giống, Nhà nước căn cứ vào quy hoạch khu kinh tế mới giải quyết cho bà Lâu diện tích 2,3 ha, trong đó có 1,7 ha đất trồng tràm, phần còn lại nằm vào đất thuộc của người khác, gia đình ông Chon và bà Lâu có trách nhiệm tính toán phần cải tạo đất cho hộ trước đây canh tác đầu tư.

Phần đất 03 ha tràm nằm ở khu III, do con ông Chon là Lê Thanh H (đã có gia đình riêng, nhưng còn chung sổ hộ khẩu) trồng tràm thống nhất giải quyết một phần đất theo quy hoạch. Nếu diện tích đất tràm dôi ra so với quy định Nhà nước hay cá nhân không bồi hoàn (hiện trạng tràm đã cháy) - BL 127.

[2.1c] Sau đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, đủ cơ sở xác định:

Thực hiện theo Thông báo số 31/TB-UB ngày 19/5/2000 của UBND tỉnh Long An V/v kết luận của UBND tỉnh Long An tại cuộc họp kiểm tra tiến độ thực hiện dự án Nông – Lâm nghiệp và dân cư Bình Thành, huyện Đ - tháng 5/2000, UBND huyện Đ đã thành lập Tổ kê biên và đã lập biên bản kê biên đất và tài sản trên đất trong phạm vi giải tỏa. Theo đó, bà Tô Thị Lâu (mẹ bà H) được UBND huyện Đ quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 22.780 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 68, tờ bản đồ phân lô QH NLN dân cư Bình Thành; đồng thời, bà Lâu còn được công nhận tại thửa đất số 389, tờ bản đồ số 2 (bản đồ xã Bình Thành năm 1998), theo bản đồ quy hoạch thửa đất 211, diện tích đất 22.980 m<sup>2</sup> (phần đất này hiện nay bà Lê Thanh H đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích đất dư ra 3.521 m<sup>2</sup> tại thửa đất này (phần đất này nằm trong diện tích đất hiện nay bà H đang yêu cầu UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để cấp cho 01 hộ kinh tế mới thì bà Lâu đã nhận đền bù (thể hiện trong danh sách đền bù) với số tiền 4.379.737đ (bốn triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi bảy đồng) và ông Lê Thanh Chon (cha bà H) đã được Nhà nước kê biên tài sản trên đất là cây tràm cừ với số tiền là 5.850.000đ (năm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng); số tiền này ông Chon đã nhận trong danh sách đền bù đợt 3 cùng với số tiền 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm ngàn đồng) đền bù theo biên bản kê biên đất trong phạm vi giải tỏa đất có cây diện tích 50.000 m<sup>2</sup> và đất có đào mương đắp bờ bao 900 m<sup>2</sup>. Như vậy là toàn bộ số tiền đền bù bà Lâu và ông Chon đã nhận xong.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định, việc thu hồi đất và đền bù toàn bộ số tiền thiệt hại về đất và cây trồng trên đất cho gia đình ông Chon, trong đó có bà H, bị ảnh hưởng bởi dự án Phát triển Nông – Lâm nghiệp và dân cư Bình Thành đã được UBND huyện Đ thực hiện theo đúng quy định tại Điều 28 của Luật Đất đai năm 1993.

[2.1d] Đối với trường hợp của bà Lê Thanh H:

[2.1d1] Tại Văn bản số: 2236/UBND-TNMT ngày 13/7/2020 của UBND huyện Đ xác định: Theo Sổ mục kê năm 1998, phần đất 03 ha bà Lê Thanh H trồng tràm là thửa 389, tờ bản đồ số 02, xã Bình Thành do bà Tô Thị Lâu đứng tên; năm 1999 là thửa đất 211, tờ bản đồ phân lô QH NLN dân cư Bình Thành giao cho bà H năm 2000; đến năm 2012, thành lập bản đồ mới là một phần thửa 347, tờ bản đồ số 3, diện tích 24.070 m<sup>2</sup> đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, phần còn lại Nhà nước quản lý.

[2.1d2] Thực tế, ngày 18/10/2016, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 4028/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 440, tờ bản đồ số 3, diện tích 24.070m<sup>2</sup> loại đất chuyên trồng lúa nước, vị trí ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, cho bà H. Theo đó, bà H đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 196468 ngày 18/10/2016 đối với diện tích đất 24.070m<sup>2</sup> loại đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa đất số 440, tờ bản đồ số 3, vị trí ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

[2.1d3] Qua đó xét thấy, gia đình ông Lê Thanh Chon tự khai vỡ trong khu kinh tế mới Bình Thành với tổng diện tích đất 9,7 ha; trong đó, bà Tô Thị Lâu kê khai 1,7 ha + bà H trồng tràm 03 ha = 4,7 ha, còn lại 05 ha trước đây ông Chon đắp bờ bao chưa sản xuất, phần đất này Nhà nước thu hồi và không bồi hoàn. Tuy nhiên, UBND huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tô Thị Lâu (mẹ bà H) đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ phân lô QH NLN dân cư Bình Thành, diện tích 22.780 m<sup>2</sup>, hiện nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 3, diện tích 24.551,6 m<sup>2</sup> mục đích sử dụng là đất chuyên trồng lúa nước và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H diện tích đất như trên, nên tổng diện tích đất gia đình ông Chon đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 48.621,6 m<sup>2</sup>.

[2.1d4] Hơn nữa, trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên, bà H đã gửi đến UBND xã M tờ “Đơn cam kết” ngày 23/6/2016 có nội dung: *“Tôi tên: Lê Thanh H, sinh năm 1976, hiện ngụ tại Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Tôi làm cam kết này đồng ý nhận phần đất cấp theo quy định, số còn lại giao nhà nước quản lý sau này không khiếu nại, nếu tôi làm sai hoàn*



*toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cho rằng bà viết đơn này là do bị ép buộc của UBND xã M nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở.

[2.2d5] Mặt khác, trước đó ông Lê Thanh Chơn (đại diện gia đình) cũng đã có đơn xin lại phần đất mà gia đình ông Chơn đã giao lại cho Ban quản lý khu kinh tế mới Bình Thành, nhưng không được chấp nhận. Theo đó, tại Biên bản xác minh ngày 25/4/2001 ông Chơn có trình bày về 03 ha đất trong khu kinh tế mới Bình Thành là ông tiến hành làm *“không có xin chính quyền địa phương... và xác định phần đất tràm hướng giải quyết Ban quản lý dự án KTM Bình Thành giao cho 01 định suất khoảng 2.2 ha cho con tôi tên Lê Thanh H phần còn thừa khoảng 0,8 ha Ban quản lý dự án quản lý đến nay”*.

[2.1d6] Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, UBND huyện Đ còn cung cấp danh sách những trường hợp bị đình chỉ sản xuất năm 1998 để thực hiện phân chia lại diện tích canh tác, trong đó có tên bà H.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định, trong tổng diện tích 9,7 ha đất có nguồn gốc gia đình ông Chơn tự khai vỡ trong khu kinh tế mới Bình Thành, có 03 ha bà H sử dụng trồng tràm. Trong 03 ha này, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 24.070m<sup>2</sup> loại đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa đất số 440, tờ bản đồ số 3, vị trí ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; phần còn lại diện tích 9.731,2m<sup>2</sup> do Nhà nước quản lý thuộc thửa 347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Do đó, UBND xã M và UBND huyện Đ không chấp nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hồng đối với phần đất diện tích 9,731,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, diện tích đất 9,731,2m<sup>2</sup> thửa 347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An chưa được Nhà nước thu hồi; thực tế bà H vẫn canh tác toàn bộ thửa 347 từ năm 1998 đến thời điểm xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 là suốt 18 năm sử dụng ổn định, liên tục và không ai tranh chấp; bà H xin cấp giấy không trái việc sử dụng đất của địa phương và bà H đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hồng, là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, không đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của người bị kiện UBND xã M và UBND huyện Đ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND

xã M và UBND huyện Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H.

[5] Do sửa bản án hành chính sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ nộp án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện bà Lê Thanh H phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 của Luật tổ tụng Hành chính và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do sửa bản án hành chính sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, UBND xã M và UBND huyện Đ không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật tổ tụng Hành chính.

- Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Đ; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2019/HCST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 28 Luật Đất đai năm 1993; cáo Điều 106, Điều 101 và Điều 105 Luật Đại đại năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H về việc buộc Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An phải chấp nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải thực hiện trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với diện tích đất 9.731,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 347, tờ bản đồ số 03, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ: Bà Lê Thanh H tự nguyện chịu, bà H đã nộp xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

+ Người khởi kiện bà Lê Thanh H phải nộp 300.000đ; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0000395 ngày 17/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An; bà H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

+ Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Đ không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An không phải nộp.

+ Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0000636 ngày 20/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

+ Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0000637 ngày 20/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 30 tháng 9 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VT(6) HS(1) (PTHH-15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đỗ Đình Thanh**